

BẢNG HÀNG ĐỢT 29 - TÒA EURO RIVER TOWER

STT	Mã tra cứu	Tầng	Diện tích m2	Thiết kế	Hướng	Vị trí	Đơn giá bán/m2	Tổng giá bán (VNĐ)
								2,517,684,107
			14,352				30,348,338	435,559,350,522
1	RV.0701	7	98.6	3PN-2WC	ĐN-ĐB	Góc	31,308,594	3,087,027,355
2	RV.0702	7	77.2	3PN-2WC	ĐN	Căn giữa	30,915,146	2,386,649,265
3	RV.0703	7	85	3PN-2WC	ĐN	Góc l	28,958,975	2,461,512,886
4	RV.0706	7	71	2PN-2WC	ĐN	Căn giữa	30,350,478	2,154,883,964
5	RV.0708	7	85	3PN-2WC	ĐN	Góc l	29,318,366	2,492,061,123
6	RV.0709	7	91	3PN-2WC	ĐN	Căn giữa	27,523,243	2,504,615,079
7	RV.0719	7	85	3PN-2WC	TB	Góc l	27,013,395	2,296,138,547
8	RV.0721	7	98.6	3PN-2WC	TB-ĐB	Góc	28,473,737	2,807,510,426
9	RV.0723	7	68.6	2PN-2WC	ĐB	căn giữa l	31,955,941	2,192,177,555
10	RV.0902	9	77.2	3PN-2WC	ĐN	Căn giữa	31,491,460	2,431,140,707
11	RV.0904	9	63.1	2PN-2WC	ĐN	Căn giữa	34,334,850	2,166,529,008
12	RV.0907	9	63.1	2PN-2WC	ĐN	Căn giữa	34,334,850	2,166,529,008
13	RV.0909	9	91	3PN-2WC	ĐN	Căn giữa	28,039,502	2,551,594,693
14	RV.0910	9	81.9	3PN-2WC	ĐN-TN	Góc	34,754,431	2,846,387,926
15	RV.0914	9	98.6	3PN-2WC	TB-TN	Góc	28,142,839	2,774,883,933
16	RV.0916	9	85	3PN-2WC	TB	Góc l	26,703,071	2,269,760,998
17	RV.0919	9	85	3PN-2WC	TB	Góc l	27,521,662	2,339,341,235
18	RV.0921	9	98.6	3PN-2WC	TB-ĐB	Góc	29,006,963	2,860,086,529
19	RV.1202	12	77.2	3PN-2WC	ĐN	Căn giữa	32,195,844	2,485,519,136
20	RV.1203	12	85	3PN-2WC	ĐN	Góc l	30,166,545	2,564,156,337
21	RV.1204	12	63.1	2PN-2WC	ĐN	Căn giữa	35,105,699	2,215,169,582
22	RV.1207	12	63.1	2PN-2WC	ĐN	Căn giữa	35,105,699	2,215,169,582
23	RV.1208	12	85	3PN-2WC	ĐN	Góc l	30,541,737	2,596,047,648
24	RV.1209	12	91	3PN-2WC	ĐN	Căn giữa	28,670,486	2,609,014,220
25	RV.1210	12	81.9	3PN-2WC	ĐN-TN	Góc	35,536,491	2,910,438,624
26	RV.1216	12	85	3PN-2WC	TB	Góc l	27,305,649	2,320,980,184
27	RV.1219	12	85	3PN-2WC	TB	Góc l	28,142,877	2,392,144,520
28	RV.1221	12	98.6	3PN-2WC	TB-ĐB	Góc	29,658,684	2,924,346,211
29	RV.1401	14	98.6	3PN-2WC	ĐN-ĐB	Góc	33,276,835	3,281,095,896
30	RV.1402	14	77.2	3PN-2WC	ĐN	Căn giữa	32,195,844	2,485,519,136
31	RV.1403	14	85	3PN-2WC	ĐN	Góc l	30,166,545	2,564,156,337
32	RV.1404	14	63.1	2PN-2WC	ĐN	Căn giữa	35,105,699	2,215,169,582
33	RV.1406	14	71	2PN-2WC	ĐN	Căn giữa	31,611,141	2,244,390,987
34	RV.1407	14	63.1	2PN-2WC	ĐN	Căn giữa	35,105,699	2,215,169,582
35	RV.1408	14	85	3PN-2WC	ĐN	Góc l	30,541,737	2,596,047,648
36	RV.1409	14	91	3PN-2WC	ĐN	Căn giữa	28,670,486	2,609,014,220
37	RV.1410	14	81.9	3PN-2WC	ĐN-TN	Góc	35,536,491	2,910,438,624
38	RV.1411	14	68.6	2PN-2WC	TN	căn giữa l	29,972,454	2,056,110,331
39	RV.1414	14	98.6	3PN-2WC	TB-TN	Góc	28,775,008	2,837,215,824
40	RV.1419	14	85	3PN-2WC	TB	Góc l	28,142,877	2,392,144,520
41	RV.1421	14	98.6	3PN-2WC	TB-ĐB	Góc	29,658,684	2,924,346,211
42	RV.1423	14	68.6	2PN-2WC	ĐB	căn giữa l	33,284,773	2,283,335,417
43	RV.1503	15	85	3PN-2WC	ĐN	Góc l	30,166,545	2,564,156,337
44	RV.1508	15	85	3PN-2WC	ĐN	Góc l	30,541,737	2,596,047,648
45	RV.1509	15	91	3PN-2WC	ĐN	Căn giữa	28,670,486	2,609,014,220
46	RV.1510	15	81.9	3PN-2WC	ĐN-TN	Góc	35,536,491	2,910,438,624

STT	Mã tra cứu	Tầng	Diện tích m2	Thiết kế	Hướng	Vị trí	Đơn giá bán/m2	Tổng giá bán (VNĐ)
47	RV.1514	15	98.6	3PN-2WC	TB-TN	Góc	28,775,008	2,837,215,824
48	RV.1516	15	85	3PN-2WC	TB	Góc1	27,305,649	2,320,980,184
49	RV.1521	15	98.6	3PN-2WC	TB-ĐB	Góc	29,658,684	2,924,346,211
50	RV.1603	16	85	3PN-2WC	ĐN	Góc1	30,166,545	2,564,156,337
51	RV.1608	16	85	3PN-2WC	ĐN	Góc1	30,541,737	2,596,047,648
52	RV.1609	16	91	3PN-2WC	ĐN	Căn giữa	28,670,486	2,609,014,220
53	RV.1610	16	81.9	3PN-2WC	ĐN-TN	Góc	35,536,491	2,910,438,624
54	RV.1616	16	85	3PN-2WC	TB	Góc1	27,305,649	2,320,980,184
55	RV.1621	16	98.6	3PN-2WC	TB-ĐB	Góc	29,658,684	2,924,346,211
56	RV.1801	18	98.6	3PN-2WC	ĐN-ĐB	Góc	33,276,835	3,281,095,896
57	RV.1802	18	77.2	3PN-2WC	ĐN	Căn giữa	32,195,844	2,485,519,136
58	RV.1803	18	85	3PN-2WC	ĐN	Góc1	30,166,545	2,564,156,337
59	RV.1804	18	63.1	2PN-2WC	ĐN	Căn giữa	35,105,699	2,215,169,582
60	RV.1806	18	71	2PN-2WC	ĐN	Căn giữa	31,611,141	2,244,390,987
61	RV.1807	18	63.1	2PN-2WC	ĐN	Căn giữa	35,105,699	2,215,169,582
62	RV.1808	18	85	3PN-2WC	ĐN	Góc1	30,541,737	2,596,047,648
63	RV.1810	18	81.9	3PN-2WC	ĐN-TN	Góc	35,536,491	2,910,438,624
64	RV.1815	18	77.2	2PN-2WC	TB	Căn giữa	28,419,506	2,193,985,874
65	RV.1816	18	85	3PN-2WC	TB	Góc1	27,305,649	2,320,980,184
66	RV.1819	18	85	3PN-2WC	TB	Góc1	28,142,877	2,392,144,520
67	RV.1820	18	77.2	3PN-2WC	TB	Căn giữa	27,856,297	2,150,506,156
68	RV.1821	18	98.6	3PN-2WC	TB-ĐB	Góc	29,658,684	2,924,346,211
69	RV.1822	18	68.6	2PN-2WC	ĐB	Căn giữa	32,295,158	2,215,447,820
70	RV.1823	18	68.6	2PN-2WC	ĐB	căn giữa 1	33,284,773	2,283,335,417
71	RV.1914	19	98.6	3PN-2WC	TB-TN	Góc	28,775,008	2,837,215,824
72	RV.1919	19	85	3PN-2WC	TB	Góc1	28,142,877	2,392,144,520
73	RV.1921	19	98.6	3PN-2WC	TB-ĐB	Góc	29,658,684	2,924,346,211
74	RV.2016	20	85	3PN-2WC	TB	Góc1	27,305,649	2,320,980,184
75	RV.2021	20	98.6	3PN-2WC	TB-ĐB	Góc	29,658,684	2,924,346,211
76	RV.2103	21	85	3PN-2WC	ĐN	Góc1	30,166,545	2,564,156,337
77	RV.2107	21	63.1	2PN-2WC	ĐN	Căn giữa	35,105,699	2,215,169,582
78	RV.2108	21	85	3PN-2WC	ĐN	Góc1	30,541,737	2,596,047,648
79	RV.2109	21	91	3PN-2WC	ĐN	Căn giữa	28,670,486	2,609,014,220
80	RV.2110	21	81.9	3PN-2WC	ĐN-TN	Góc	35,536,491	2,910,438,624
81	RV.2114	21	98.6	3PN-2WC	TB-TN	Góc	28,775,008	2,837,215,824
82	RV.2116	21	85	3PN-2WC	TB	Góc1	27,305,649	2,320,980,184
83	RV.2119	21	85	3PN-2WC	TB	Góc1	28,142,877	2,392,144,520
84	RV.2121	21	98.6	3PN-2WC	TB-ĐB	Góc	29,658,684	2,924,346,211
85	RV.2203	22	85	3PN-2WC	ĐN	Góc1	30,166,545	2,564,156,337
86	RV.2207	22	63.1	2PN-2WC	ĐN	Căn giữa	35,105,699	2,215,169,582
87	RV.2208	22	85	3PN-2WC	ĐN	Góc1	30,541,737	2,596,047,648
88	RV.2210	22	81.9	3PN-2WC	ĐN-TN	Góc	35,536,491	2,910,438,624
89	RV.2216	22	85	3PN-2WC	TB	Góc1	27,305,649	2,320,980,184
90	RV.2219	22	85	3PN-2WC	TB	Góc1	28,142,877	2,392,144,520
91	RV.2221	22	98.6	3PN-2WC	TB-ĐB	Góc	29,658,684	2,924,346,211
92	RV.2307	23	63.1	2PN-2WC	ĐN	Căn giữa	35,105,699	2,215,169,582
93	RV.2308	23	85	3PN-2WC	ĐN	Góc1	30,541,737	2,596,047,648
94	RV.2314	23	98.6	3PN-2WC	TB-TN	Góc	28,775,008	2,837,215,824
95	RV.2315	23	77.2	3PN-2WC	TB	Căn giữa	28,419,506	2,193,985,874
96	RV.2316	23	85	3PN-2WC	TB	Góc1	27,305,649	2,320,980,184

STT	Mã tra cứu	Tầng	Diện tích m2	Thiết kế	Hướng	Vị trí	Đơn giá bán/m2	Tổng giá bán (VNĐ)
97	RV.2319	23	85	3PN-2WC	TB	Góc 1	28,142,877	2,392,144,520
98	RV.2321	23	98.6	3PN-2WC	TB-ĐB	Góc	29,658,684	2,924,346,211
99	RV.2402	24	77.2	3PN-2WC	ĐN	Căn giữa	32,195,844	2,485,519,136
100	RV.2403	24	85	3PN-2WC	ĐN	Góc 1	30,166,545	2,564,156,337
101	RV.2404	24	63.1	2PN-2WC	ĐN	Căn giữa	35,105,699	2,215,169,582
102	RV.2407	24	63.1	2PN-2WC	ĐN	Căn giữa	35,105,699	2,215,169,582
103	RV.2408	24	85	3PN-2WC	ĐN	Góc 1	30,541,737	2,596,047,648
104	RV.2409	24	91	3PN-2WC	ĐN	Căn giữa	28,670,486	2,609,014,220
105	RV.2410	24	81.9	3PN-2WC	ĐN-TN	Góc	35,536,491	2,910,438,624
106	RV.2411	24	68.6	2PN-2WC	TN	căn giữa 1	29,972,454	2,056,110,331
107	RV.2412	24	68.6	2PN-2WC	TN	Căn giữa	30,533,031	2,094,565,919
108	RV.2414	24	98.6	3PN-2WC	TB-TN	Góc	28,775,008	2,837,215,824
109	RV.2416	24	85	3PN-2WC	TB	Góc 1	27,305,649	2,320,980,184
110	RV.2417	24	85.3	3PN-2WC	TB	Căn giữa	27,617,055	2,355,734,774
111	RV.2418	24	85.3	3PN-2WC	TB	Căn giữa	28,761,091	2,453,321,089
112	RV.2419	24	85	3PN-2WC	TB	Góc 1	28,142,877	2,392,144,520
113	RV.2421	24	98.6	3PN-2WC	TB-ĐB	Góc	29,658,684	2,924,346,211
114	RV.2422	24	68.6	2PN-2WC	ĐB	Căn giữa	32,295,158	2,215,447,820
115	RV.2423	24	68.6	2PN-2WC	ĐB	căn giữa 1	33,284,773	2,283,335,417
116	RV.2508	25	85	3PN-2WC	ĐN	Góc 1	30,541,737	2,596,047,648
117	RV.2514	25	98.6	3PN-2WC	TB-TN	Góc	28,775,008	2,837,215,824
118	RV.2516	25	85	3PN-2WC	TB	Góc 1	27,305,649	2,320,980,184
119	RV.2519	25	85	3PN-2WC	TB	Góc 1	28,142,877	2,392,144,520
120	RV.2521	25	98.6	3PN-2WC	TB-ĐB	Góc	29,658,684	2,924,346,211
121	RV.2610	26	81.9	3PN-2WC	ĐN-TN	Góc	35,536,491	2,910,438,624
122	RV.2616	26	85	3PN-2WC	TB	Góc 1	27,305,649	2,320,980,184
123	RV.2618	26	85.3	3PN-2WC	TB	Căn giữa	28,761,091	2,453,321,089
124	RV.2619	26	85	3PN-2WC	TB	Góc 1	28,142,877	2,392,144,520
125	RV.2621	26	98.6	3PN-2WC	TB-ĐB	Góc	29,658,684	2,924,346,211
126	RV.2704	27	63.1	2PN-2WC	ĐN	Căn giữa	35,105,699	2,215,169,582
127	RV.2708	27	85	3PN-2WC	ĐN	Góc 1	30,541,737	2,596,047,648
128	RV.2709	27	91	3PN-2WC	ĐN	Căn giữa	28,670,486	2,609,014,220
129	RV.2710	27	81.9	3PN-2WC	ĐN-TN	Góc	35,536,491	2,910,438,624
130	RV.2714	27	98.6	3PN-2WC	TB-TN	Góc	28,775,008	2,837,215,824
131	RV.2715	27	77.2	3PN-2WC	TB	Căn giữa	28,419,506	2,193,985,874
132	RV.2716	27	85	3PN-2WC	TB	Góc 1	27,305,649	2,320,980,184
133	RV.2718	27	85.3	3PN-2WC	TB	Căn giữa	28,761,091	2,453,321,089
134	RV.2719	27	85	3PN-2WC	TB	Góc 1	28,142,877	2,392,144,520
135	RV.2721	27	98.6	3PN-2WC	TB-ĐB	Góc	29,658,684	2,924,346,211
136	RV.2802	28	77.2	3PN-2WC	ĐN	Căn giữa	32,195,844	2,485,519,136
137	RV.2804	28	63.1	2PN-2WC	ĐN	Căn giữa	35,105,699	2,215,169,582
138	RV.2807	28	63.1	2PN-2WC	ĐN	Căn giữa	35,105,699	2,215,169,582
139	RV.2808	28	85	3PN-2WC	ĐN	Góc 1	30,541,737	2,596,047,648
140	RV.2809	28	91	3PN-2WC	ĐN	Căn giữa	28,670,486	2,609,014,220
141	RV.2810	28	81.9	3PN-2WC	ĐN-TN	Góc	35,536,491	2,910,438,624
142	RV.2811	28	68.6	2PN-2WC	TN	căn giữa 1	29,972,454	2,056,110,331
143	RV.2812	28	68.6	2PN-2WC	TN	Căn giữa	30,533,031	2,094,565,919
144	RV.2816	28	85	3PN-2WC	TB	Góc 1	27,305,649	2,320,980,184
145	RV.2818	28	85.3	3PN-2WC	TB	Căn giữa	28,761,091	2,453,321,089
146	RV.2819	28	85	3PN-2WC	TB	Góc 1	28,142,877	2,392,144,520

STT	Mã tra cứu	Tầng	Diện tích m2	Thiết kế	Hướng	Vị trí	Đơn giá bán/m2	Tổng giá bán (VNĐ)
147	RV.2821	28	98.6	3PN-2WC	TB-ĐB	Góc	29,658,684	2,924,346,211
148	RV.2823	28	68.6	2PN-2WC	ĐB	căn giữa 1	33,284,773	2,283,335,417
149	RV.2902	29	77.2	3PN-2WC	ĐN	Căn giữa	32,195,844	2,485,519,136
150	RV.2914	29	98.6	3PN-2WC	TB-TN	Góc	28,775,008	2,837,215,824
151	RV.2916	29	85	3PN-2WC	TB	Góc 1	27,305,649	2,320,980,184
152	RV.2919	29	85	3PN-2WC	TB	Góc 1	28,142,877	2,392,144,520
153	RV.2921	29	98.6	3PN-2WC	TB-ĐB	Góc	29,658,684	2,924,346,211
154	RV.3002	30	77.2	3PN-2WC	ĐN	Căn giữa	32,451,983	2,505,293,110
155	RV.3003	30	85	3PN-2WC	ĐN	Góc 1	30,408,059	2,584,685,027
156	RV.3004	30	63.1	2PN-2WC	ĐN	Căn giữa	35,386,007	2,232,857,063
157	RV.3006	30	71	2PN-2WC	ĐN	Căn giữa	31,863,273	2,262,292,391
158	RV.3007	30	63.1	2PN-2WC	ĐN	Căn giữa	35,386,007	2,232,857,063
159	RV.3008	30	85	3PN-2WC	ĐN	Góc 1	30,786,411	2,616,844,953
160	RV.3009	30	91	3PN-2WC	ĐN	Căn giữa	28,899,935	2,629,894,049
161	RV.3010	30	81.9	3PN-2WC	ĐN-TN	Góc	35,820,877	2,933,729,787
162	RV.3011	30	68.6	2PN-2WC	TN	căn giữa 1	30,211,848	2,072,532,765
163	RV.3012	30	68.6	2PN-2WC	TN	Căn giữa	30,776,813	2,111,289,376
164	RV.3014	30	98.6	3PN-2WC	TB-TN	Góc	29,004,888	2,859,881,966
165	RV.3015	30	77.2	3PN-2WC	TB	Căn giữa	28,646,085	2,211,477,787
166	RV.3016	30	85	3PN-2WC	TB	Góc 1	27,524,769	2,339,605,343
167	RV.3017	30	85.3	3PN-2WC	TB	Căn giữa	27,838,818	2,374,651,159
168	RV.3018	30	85.3	3PN-2WC	TB	Căn giữa	28,992,120	2,473,027,794
169	RV.3019	30	85	3PN-2WC	TB	Góc 1	28,368,773	2,411,345,714
170	RV.3020	30	77.2	3PN-2WC	TB	Căn giữa	28,078,345	2,167,648,231
171	RV.3021	30	98.6	3PN-2WC	TB-ĐB	Góc	29,895,673	2,947,713,367
172	RV.3022	30	68.6	2PN-2WC	ĐB	Căn giữa	32,548,635	2,232,836,343
173	RV.3023	30	68.6	2PN-2WC	ĐB	căn giữa 1	33,550,539	2,301,566,989